

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 21 /2018/QĐST – DS.

N, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST – DS ngày 24 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đồng bị đơn: Anh Văn Đức B và chị Phan Thị H; Cùng địa chỉ: Thôn N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu vợ chồng anh Văn Đức B và chị Phan Thị T trả số tiền nợ là 192.900.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng). Tại phiên hòa giải chị H thừa nhận anh B và chị T đã trả cho chị 24.000.000đ (Hai

mười bốn triệu đồng), số tiền còn nợ lại là 168.900.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Nay chị Nguyễn Thị H xin rút yêu cầu khởi kiện từ 192.900.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) xuống còn 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và được anh Văn Đức B và chị Phan Thị T chấp nhận số tiền nợ này đối với chị H; Thời hạn anh Văn Đức B và chị Phan Thị T phải trả số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị H vào ngày 29-9-2018.

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H với anh Văn Đức B và chị Phan Thị T: Nếu anh B và chị T chậm trả tiền theo thỏa thuận trên thì phải trả lãi 10%/ năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Văn Đức B và chị Phan Thị T nhận nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Nguyễn Thị H được nhận lại 4.823.000đ (Bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0001990 ngày 24/5/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- đồng bị đơn;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo